TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH O ,TP. HÀ NỘI

Bản án số: 23/2018/HNGĐ
Ngày: 20/7/2018
"V/v: Tranh chấp xin Ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH O – TP HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà***:* Ông : Nguyễn Tiến Dũng

-Các Hội thẩm nhân dân:

Bà: Nguyễn Thị Nguyệt

Ông: Lê Huy Trọng

-**Thư ký ghi biên bản phiên toà bà :** Nguyễn Thị Minh Lý, Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát có công văn số: *210/CV –VKS ngày 30 tháng 5 năm 2018 về việc không tham gia phiên tòa.*

Ngày 20 tháng 7 năm 2018 tại: Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh O - TP Hà Nội; xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 84/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2018 về: *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2018/QĐXX-ST ngày 24 tháng 5 năm 2018; *Quyết định Hoãn phiên tòa số: 13/2018 ngày 06/6/2018 và Quyết định Hoãn phiên tòa số: 15/2018 ngày 03/7/2018* giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Anh **Ngô Vi V**- sinh năm 1983
- ***Bị đơn***: Chị **Nguyễn Thị M** - sinh năm 1984

Đều ĐKHK nơi ở: Thôn Phượng M, xã M H, huyện Thanh O, Tp Hà Nội.

(Anh V có mặt. Chị M vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn và lời khai tiếp theo của anh Ngô Vi V thì vụ án có nội dung như sau:

Anh và chị Nguyễn Thị M ở thôn Tr L, Mỹ Th, xã Thanh M, huyện Thanh O kết hôn vào ngày 12/4/2012, trước khi tổ chức kết hôn anh chị có được tự do tìm hiểu, cưới theo phong tục tập quán địa phương, tổ chức xong chị M về làm dâu và chung sống tại gia đình nhà anh ngay, thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc từ năm 2012 đến năm 2015, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vì thế anh và chị M đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2015 cho đến nay. Từ khi sống ly thân không ai quan tâm đến ai., anh và chị M đã nhiều lần nói chuyện để giải quyết mâu thuẫn nhưng không đem lại kết quả. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có cuộc sống chung, không hạnh phúc. Anh đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với chị M.

Về con chung: Vợ chồng anh có một con chung là: Cháu *Ngô Anh Đ,* sinh ngày 17/02/2013. Hiện nay cháu đang ở với chị M, Tòa án giải quyết cho anh được

ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi con, anh không yêu cầu chị M phải đóng góp phí tổn nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, và các tài sản khác: Không có anh không đề nghị gì.

Tại bản tự khai của chị Nguyễn Thị M trình bày: *Về tình cảm vợ chồng*: Chị và anh Ngô Vi V, sinh năm 1983. ĐKHK: Thôn Phượng M, xã M H, huyện Thanh O, Tp Hà Nội , hai anh, chị Đăng ký kết hôn vào ngày 06/4/2012 trước khi tổ chức kết hôn anh, chị có được tự do tìm hiểu, là hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc. Sau khi tổ chức kết theo phong tục tập quán địa phương chị về làm dâu và chung sống tại gia đình nhà anh V ngay vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận hạnh phúc đến tháng 12/2016 thì anh V đi làm ăn xa nhà *(làm nghề lái xe)* từ đó anh V không về nhà, thời gian đầu chị có thỉnh thoảng có gọi điện anh V về nhưng anh V không về, chị thấy vợ chồng không có mâu thuẫn gì, nay đột nhiên thấy anh V làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn chị. Chị xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh V xin ly hôn chị không đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng chị có một con chung là: Cháu *Ngô Anh Đ,* sinh ngày 17/02/2013. Hiện nay cháu đang ở với chị, Tòa án giải quyết cho anh V ly hôn chị, chị xin được tiếp tục nuôi cháu, chị không yêu cầu anh V phải đóng góp phí tổn nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, và các tài sản khác: Không có tôi không đề nghị gì.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thu thập và thẩm tra tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

1.Về tố tụng: Anh Ngô Vi V có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh O,Thành phố Hà Nội giải quyết xin được ly hôn với chị Nguyễn Thị M, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh O.

Tại phiên toà chị Nguyễn Thị M đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nên toà án tiến hành xét xử vắng mặt chị là có căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 1 điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về Tình Cảm: Anh Ngô Vi V và chị Nguyễn Thị M trước khi cưới có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M H ngày 06/4/2012,việc kết hôn giữa hai anh chị hoàn toàn tự nguyện, như vậy việc kết hôn giữa hai vợ chồng là hợp pháp.

3.Xét về quá trình chung sống vợ chồng từ khi kết hôn năm 2012 đến cuối năm 2015 vợ chồng chung hòa thuận hạnh phúc, do anh V đi làm xa nhà vợ chồng thời kỳ đầu còn gọi điện thăm hỏi nhau, sau dần không có thời gian quan tâm đến nhau, dẫn đến tình cảm của vợ chồng lạnh nhạn, anh chị không còn quan tâm đến nhau và đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2015 cho đến nay, nay anh V xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có, anh xin được ly hôn chị M, chị M cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn chị xin được đoàn tù, lý do của chị M xin đoàn tụ không mang tính thuyết phục. Vì chị và anh V ly thân nhau gần 3 năm cho đến nay và đã được Tòa án hòa giải vẫn không cải thiện được tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử thấy rằng việc anh, chị ly thân nhau đã lâu cuộc sống chung không có, mục đích hôn nhân của hai vợ chồng không đạt được Hội đồng xét xử căn cứ điều 51 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh V được ly hôn chị M là phù hợp.

4.Về con chung: Anh chị có một con chung là: Cháu *Ngô Anh Đ,* sinh ngày 17/02/2013. Hiện nay cháu đang ở với chị M, Chị M trình bày nếu Tòa án giải quyết cho anh V ly hôn chị, chị xin được tiếp tục nuôi cháu, chị không yêu cầu anh V phải đóng góp phí tổn nuôi con chung. Hội đồng xét xử cần ghi nhận và tiếp tục giao cháu Ngô Anh Đ cho chị M là phù hợp.

5.Về tài sản chung, công nợ, và các tài sản khác: Không có Hội đồng xét xử không xem xét.

6. *Về tài sản riêng*: Tại phiên tòa cũng như các phiên hòa giải anh V thừa nhận có nợ bà Chu Thị Nghị số tiền 74.000.000đ là mẹ đẻ của chị M khoản nợ này anh Vinh thừa nhận là anh vay riêng không liên quan đến chị M, nếu bà Nghị đề nghị anh V trả thì bà đề nghị giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

7. Về án phí: Anh Ngô Vi V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều: 51; 53; 54 ;56 ; 58; 81; 82 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 2 điểm b điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử: Anh **Ngô Vi V** được ly hôn chị **Nguyễn Thị M**

Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị M tiếp tục nuôi dưỡng cháu *Ngô Anh Đ*, sinh ngày 17/02/2013. Tạm hoãn tiền đóng góp nuôi con cho anh Ngô Vi V cho đến khi các đương sự có yêu cầu mới, anh V có quyền đi lại thăm hỏi con chung không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung; Công nợ; công sức: Không có. Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, pháp lệnh về án phí lệ phí Tòa án. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Toà án buộc anh Ngô Vi V phải chịu 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 01557 ngày 09/5/2018 tại chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh O.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 20/7/2018.

Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú .

Nơi nhận:
- *Toà án ND Thành phố Hà Nôi;*
- *Viện kiểm sát ND huyện Thanh O;*
- *UBND xã M H;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Tiến Dũng